TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 126/2026/HNGĐ- ST
Ngày 07 tháng 9 năm 2026
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiên và ông Nguyễn Đăng Thường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đồng Nai

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 644/2026/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc B**, sinh năm 1979; số CCCD: 045179000978; Trú tại: Khu phố Tân Phú, phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Nai. (Vắng)

Bị đơn: Ông **Mai Văn S**, sinh năm 1982; số CCCD: 046082030691; Trú tại: Khu phố Tân An, phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Nai. (Vắng)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc B và ông Mai Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai vào năm 2025.

Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dù cả hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được khắc phục được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc và việc tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân chỉ làm cho cả hai thêm mệt mỏi, do vậy bà Trần Thị Ngọc B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Văn S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống bà B và ông S không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, bà B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Mai Văn S tại bản tự khai trình bày:

Ông S thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc B về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mỗi người có quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung nên đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay bà Trần Thị Ngọc B yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống bà B và ông S không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, ông S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai: Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai, tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã có công văn phúc đáp không tham gia phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 28 của Thông tự liên tịch số 07/2026/TTLT-VKSNDTC-TANDTC.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra công khai tại phiên tòa; trên cở sơ xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Nai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Văn S, do đó, đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn ông Mai Văn S đang cư trú và sống tại địa chỉ khu phố Tân An, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Việc các đương sự xin vắng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B và bị đơn ông Mai Văn S đều có đơn xin được vắng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa. Việc xin vắng của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ các Điều 70, 71, 72, 199, 227, 228 và 238 của Bộ

luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định chung của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Xét bà Trần Thị Ngọc B và ông Mai Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Phú, thành phố Đồng Nai vào năm 2025 nên có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông S là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B và ông S đều thống nhất ý kiến sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; do vậy cả bà B và ông S đều đồng ý ly hôn với nhau. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và cùng nhau chia sẻ trách nhiệm giữa vợ và chồng. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa bà B và ông S đã phát sinh những bất đồng trầm trọng không thể khắc phục, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc và không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà B và ông S đều xác nhận trong thời gian chung sống không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, các Điều 70, 71, 72, Điều 147, các Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc B. Bà Trần Thị Ngọc B được ly hôn với ông Mai Văn S.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 000096 ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND Tp. Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 9 - Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 9- Đồng Nai;
- UBND phường Đồng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN THỊ MỸ DUNG